

Bản án số: 11/2026/DS-ST
Ngày: 19/01/2026
V/v tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và bà Trần Thị Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 415/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoài P, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp T, xã C, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh An Giang là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 7804/2025 ngày 25/12/2025 (Có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Trần Phú H, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Trương Thị Y, sinh năm 1978; cùng cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi

Quốc N trình bày:

Do quen biết, nên vào ngày 23/06/2020 vợ chồng ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y có vay của ông Lê Hoài P số tiền 377.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày 23/06/2020 đến ngày 23/12/2020), lãi suất 1,66%/tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Hợp đồng vay được Văn phòng C công chứng chứng nhận vào ngày 23/06/2020, ông P đã giao đủ số tiền 377.000.000 đồng cho ông H, bà Y tại thời điểm công chứng hợp đồng vay tiền.

Sau khi vay, ông H, bà Y không đóng tiền lãi cho ông P theo thỏa thuận và không trả vốn khi đến hạn trả nợ; ông P nhiều lần yêu cầu trả tiền lãi và vốn vay thì ông H, bà Y hứa nhưng không thực hiện và trong thời gian này dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh. Sau khi hết dịch bệnh Covid-19 ông P tiếp tục yêu cầu trả tiền, nhưng ông H, bà Y hứa hết lần này đến lần khác nhưng không trả vốn và không đóng thêm bất cứ khoản tiền nào cho đến nay.

Vì vậy ông Lê Hoài P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay 377.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: 01 (một) Hợp đồng vay tiền ngày 23/06/2020 (bản sao), 01 (một) căn cước tên Lê Hoài P (bản sao).

Tại bản tự khai, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải bà Trương Thị Y trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau, nên vào ngày 23/06/2020 vợ bà có vay của ông P số tiền 377.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 23/06/2020 đến ngày 23/12/2020, lãi suất 1,66%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng C công chứng ngày 23/06/2020, ông P đã giao đủ số tiền vay nêu trên cho vợ chồng bà tại thời điểm công chứng hợp đồng vay tiền. Sau khi vay, vợ chồng bà làm ăn thất bại, không có khả năng trả cho ông P nay ông P yêu cầu vợ chồng bà có nghĩa vụ trả số tiền vay 377.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi xét xử sơ thẩm thì bà đồng ý, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Phú H cung cấp bản tự khai trình bày:

Do quen biết, vào ngày 23/06/2020 vợ chồng ông có vay ông P số tiền 377.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 23/06/2020 đến ngày 23/12/2020, lãi suất 1,66%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Hợp đồng vay được Văn phòng C công chứng ngày 23/06/2020, ông P đã giao đủ số tiền 377.000.000 đồng cho vợ chồng ông tại thời điểm công chứng hợp đồng. Sau khi

vay tiền do làm ăn thất bại, nên vợ chồng ông không có khả năng trả cho ông Lê Hoài P nay ông Lê Hoài P yêu cầu vợ chồng ông H, bà Y cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 377.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi xét xử sơ thẩm thì ông đồng ý, nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông, bà Y xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ; do bận công việc nên ông xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quốc N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoài P số tiền vay 377.000.000 đồng và chỉ yêu cầu mức lãi suất với số tiền 23.000.000 đồng, tổng cộng yêu cầu ông H, bà Y trả cho ông P số tiền vốn gốc và lãi là 400.000.000 đồng. Ông rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm đối với số tiền 403.429.000 đồng.

Bị đơn bà Trương Thị Y đồng ý trả cho ông Lê Hoài P số tiền vay 377.000.000 đồng và lãi suất 23.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – An Giang phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Do chỗ quen biết với nhau, nên vào ngày 23/06/2020 vợ chồng ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y có vay của ông Lê Hoài P số tiền 377.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 23/06/2020 đến ngày 23/12/2020, lãi suất 1,66%/ tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng ngày 23/06/2020, ông P đã giao đủ số tiền 377.000.000 đồng cho ông H, bà Y. Tuy nhiên, đến nay ông H, bà Y chưa trả nên ông P khởi kiện yêu cầu ông H, bà Y trả số tiền trên và tính lãi suất theo hợp

đồng. Tại phiên tòa ông N - đại diện theo ủy quyền của ông P chỉ yêu cầu tính lãi 23.000.000 đồng trên tổng số vốn vay, rút lại một phần yêu cầu đối với yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 23/6/2020 đến khi xét xử.

Phía ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y thừa nhận có nợ ông P 377.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa bà đồng ý trả số tiền lãi 23.000.000 đồng.

Căn cứ ông P khởi kiện là hợp đồng vay ngày 23/06/2020 vợ chồng ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y có vay của ông Lê Hoài P số tiền 377.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 23/06/2020 đến ngày 23/12/2020, lãi suất 1,66%/ tháng, do đó việc vay mượn giữa ông P và ông H, bà Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo xã hội, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông H, bà Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi ông P có yêu cầu trả lại tiền vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P. Do ông H, bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu ông H, bà Y trả số tiền 377.000.000 đồng và tính lãi là có căn cứ, nên chấp nhận. Ông H, bà Y xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng ông P không đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Do ông H, bà Y chậm thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P, nên ông P yêu cầu tính lãi suất là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N - đại diện theo ủy quyền của ông P, rút lại một phần yêu cầu đối với yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 23/6/2020 đến khi xét xử, chỉ yêu cầu tính lãi 23.000.000 đồng trên tổng số vốn vay.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề xuất:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Hoài P và ông Trần Phú H, bà Trương Thị Y.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài P.

- Buộc ông Trần Phú H, bà Trương Thị Y trả ông Lê Hoài P 377.000.000 đồng và tiền lãi 23.000.000 đồng. Tổng cộng ông H, bà Y phải trả cho ông P số tiền 400.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/6/2020 đến khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền lãi là 403.429.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định là tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

[2] Về thẩm quyền:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: ông Trần Phú H có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn cho rằng do chỗ quen biết với nhau, nên vào ngày 23/06/2020 vợ chồng ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y có vay của ông Lê Hoài P số tiền 377.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 23/06/2020 đến ngày 23/12/2020, lãi suất 1,66%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng ngày 23/06/2020, ông P đã giao đủ số tiền 377.000.000 đồng cho ông H, bà Y tại thời điểm công chứng hợp đồng vay tiền này. Sau khi vay tiền thì vợ chồng ông H, bà Y không đóng tiền lãi cho ông P và không trả vốn khi đến hạn trả nợ, ông P có yêu cầu ông H, bà Y trả tiền lãi và vốn vay thì ông H, bà Y hứa nhưng không thực hiện và trong thời gian này dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh. Sau khi hết dịch bệnh Covid-19 ông P tiếp tục đòi, nhưng ông H, bà Y hứa hết lần này đến lần khác nhưng không trả vốn và không đóng thêm bất cứ khoản tiền nào cho đến nay.

Vì vậy ông Lê Hoài P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Phú H và bà Trương Thị Y cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoài P số tiền vay 377.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H thừa nhận nợ ông Lê Hoài P số tiền vay 377.000.000 đồng và đồng ý tính lãi suất 1,66%/tháng từ

ngày 23/06/2020 đến khi ngày xét xử sơ thẩm, nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng bà Y, ông H xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ:

Trên cơ sở “hợp đồng cho vay do các bên lập vào ngày 23/6/2020 thể hiện việc ông P có cho ông H, bà Y vay số tiền 377.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 23/6/2020 đến ngày 23/12/2020 thì ông H, bà Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông P. Do ông H, bà Y vi phạm nghĩa vụ cam kết nên ông P khởi kiện yêu cầu ông H, bà Y phải có nghĩa vụ trả số tiền vay và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 23/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Bị đơn bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H cung cấp bản tự khai thừa nhận nợ ông Lê Hoài P số tiền vay 377.000.000 đồng và đồng ý tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi ngày xét xử sơ thẩm, nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng bà Y xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về lãi suất: tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu bà Y, ông H có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu); rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi ngày xét xử sơ thẩm là 426.429.000 đồng, chỉ yêu cầu tiền lãi 23.000.000 đồng, rút lại đối với số tiền lãi 403.429.000 đồng so với trước đây; bà Y đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn; ông H vắng mặt nhưng với yêu cầu số tiền lãi nêu trên là phù hợp, có lợi so với ý kiến ông H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nên chấp nhận.

[6] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/06/2020 đến khi ngày xét xử sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đình chỉ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Do yêu cầu được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định. Bị đơn bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 5% trên số tiền 400.000.000 đồng, tương ứng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[8] Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273; Điều 244 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 298 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài P với bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H.

Buộc bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoài P số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Hoài P1 yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền lãi 403.429.000 đồng (bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn).

3. Về án phí:

Ông Lê Hoàng P2 được hoàn lại số tiền 9.425.000 đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010760 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bị đơn bà Trương Thị Y, ông Trần Phú H phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Lê Hoài P, bị đơn bà Trương Thị Y được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ông Trần Phú H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án.

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

